

Bản án số: 07/2024/DS-ST  
Ngày 24-9-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Hữu Sơn

Ông Đặng Minh Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24-9-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-DS ngày 24-05-2024 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 21-8-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST-TCDS ngày 06-9-2024, và được ấn định về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V)

Địa chỉ: Số H L, phường L, Quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

Người đại diện được ủy quyền - Ông Đỗ Hoàng L. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ Pháp lý. Theo văn bản ủy quyền số 58/2023/UQ-HĐQT ngày 12-7-2023.

Địa chỉ: Tòa nhà V, số G D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền thường xuyên: Ông Lê Văn T- chức vụ Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 1483/2024/UQN-LCC-KHCN MB1, ngày 09-5-2024)

Địa chỉ: Tòa nhà V, số G D, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* - Bà Lương Thị T1, sinh năm 1992. Vắng mặt.

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B (N là thôn Đ), xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-12-2023, nhận ngày 02-4-2024 trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T là người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V) trình bày:

Ngày 22-5-2018, bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ ký kết hợp đồng tín dụng số LN 1805080661769 với Ngân hàng TMCP V (V) để vay số tiền 399.000.000 đồng (Ba trăm chín chín triệu đồng); mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô HUYNDAI ACCENT 1,4 AT Biển kiểm soát 21A- 057.68, thời hạn vay 83 tháng, lãi suất trong hạn 8,4 %/năm, Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150 % lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 23-8-2018, điều chỉnh sau đó ngày 01-10-2018. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tiết kiệm thường VNĐ kỳ hạn 24 tháng theo mức tiền cao nhất được Ngân hàng công bố. Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Để bảo đảm khoản tiền vay bà T1 và ông Đ đã thế chấp cho Ngân hàng chiếc xe ô tô HUYNDAI nêu trên có số khung RLUA341BBJN000120, số máy G4LCJU953368 theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số LN 1805080661769 ngày 22-5-2018, được chứng thực tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP V (V), tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng vào ngày 22-5-2018, gồm tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Đối với tài sản bảo đảm, Ngân hàng chỉ giữ giấy tờ liên quan, còn phương tiện đi lại thì giao lại cho bà T1, ông Đ quản lý, sử dụng.

Tiếp đó ngày 09-03-2020 bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ ký hợp đồng tín dụng số LN 2003092234777 với Ngân hàng TMCP V (V) để vay số tiền 105.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng và mua bảo hiểm, lãi suất theo quy định của V từng thời kỳ, thời hạn vay 48 tháng, đã được hai bên ký cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1, ông Đ đã được giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng, đến kỳ thanh toán Ngân hàng thường xuyên đốc thúc bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ trả nợ tiền gốc và lãi theo thỏa thuận và đã trả đến hết ngày 17-11-2020. Đối với khoản vay 390.000.000 đồng, đã trả được một phần tiền gốc là 139.471.272 đồng và một phần lãi trong hạn là 96.193.365 đồng, số tiền gốc còn lại 259.528.728 và lãi trong hạn còn lại 8.732.238 đồng. Đối với khoản tiền vay 105.000.000 đồng, tính đến hết ngày 17-11-2020, trả được tiền gốc là 6.841.137

đồng và tiền lãi trong hạn là 32.435.184 đồng, số tiền gốc còn lại là 98.158.863 đồng và tiền lãi trong hạn còn nợ lại là 6.032.732 đồng. Kể từ ngày 18-11-2020 bà T1 và ông Đ không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng dẫn đến toàn bộ khoản nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn. Kể từ sau khi bị chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng bà T1 và ông Đ vẫn không trả được toàn bộ khoản nợ gốc và lãi suất. Do bà T1, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1, ông Đ phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 06-9-2024 của cả hai hợp đồng là 694.807.527 đồng (Sáu trăm chín mươi bốn triệu tám trăm linh bảy nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc của 02 hợp đồng là 357.687.591 đồng và lãi suất của 02 hợp đồng là 337.119.936 đồng. Ngoài ra, bà T1, ông Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 07-9-2024 trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Nếu bà T1, ông Đ không thực hiện được nghĩa vụ trả Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nói trên để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì buộc bà T1, ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Lương Thị T1, ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, do đó hồ sơ không có lời khai của bà T1, ông Đ, Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình nơi cư trú của bị đơn nhưng các bị đơn không có mặt ở nơi cư trú và không biết tài sản thế chấp đang ở đâu, do ai quản lý sử dụng nên không tiến hành thẩm định tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng. Quyền và lợi ích hợp pháp của cá đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 117, Điều 280, Điều 288, Điều 298, Điều 299, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V. Buộc bị đơn bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày hết ngày 06-9-2024 là 694.807.527 đồng (Sáu trăm chín tư triệu tám trăm linh bảy nghìn năm trăm hai bảy đồng), trong đó nợ gốc là 357.687.591 đồng (Ba trăm năm bảy triệu sáu trăm tám bảy nghìn năm trăm chín một đồng), nợ lãi là 337.119.936 đồng (Ba trăm ba bảy triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm ba sáu đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 14.764.970 đồng, nợ lãi quá hạn là 322.354.966 đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 06-9-2024 trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Trường hợp bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số LN 1805080661769 ngày 22-5-2018 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

+ Về án phí: Bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Thôn B (Nay là thôn Đ), xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:*

Tại Hợp đồng tín dụng ngày 21-12-2009 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng. Tại thời điểm giao kết, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng. Ngân hàng đều đã thực hiện giải ngân đầy đủ số tiền tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[3] *Về số tiền còn nợ:*

Tính đến ngày 06-9-2024, bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 694.807.527 đồng (Sáu trăm chín tư triệu tám trăm linh bảy nghìn năm trăm hai bảy đồng), trong đó nợ gốc 357.687.591 đồng (Ba trăm năm bảy triệu sáu trăm tám bảy nghìn năm trăm chín một đồng), nợ lãi là 337.119.936 đồng (Ba trăm ba bảy triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm ba sáu đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 14.764.970 đồng, nợ lãi quá hạn là 322.354.966 đồng.

Xét, bảng kê tính lãi của Ngân hàng P với các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] *Về số tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm:*

Xét thấy, khoản nợ của bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn. Do đó Ngân hàng yêu cầu bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 07-9-2024 trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] *Về xử lý tài sản thế chấp:*

Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số LN 1805080661769 ngày 22-5-2018 và hợp đồng tín dụng số LN 2003092234777 ngày 20-3-2020 giữa bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ với Ngân hàng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật; Hợp đồng thế chấp tài sản đã được chứng thực tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP V (V), tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản

tại Đà Nẵng ngày 22-5-2018. Vì vậy hợp đồng thế chấp tài sản hợp pháp và có hiệu lực thực hiện. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng khi bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ theo Điều 299 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ vẫn phải tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Yên tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 06-9-2024 của Hợp đồng tín dụng số LN 1805080661769 ngày 22-5-2018 và hợp đồng tín dụng số LN 2003092234777 ngày 09-3-2020 là 694.807.527 đồng (Sáu trăm chín tư triệu tám trăm linh bảy nghìn năm trăm hai bảy đồng), trong đó nợ gốc là 357.687.591 đồng (Ba trăm năm bảy triệu sáu trăm tám bảy nghìn năm trăm chín một đồng), nợ lãi là 337.119.936 đồng (Ba trăm ba bảy triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm ba sáu đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 14.764.970 đồng, nợ lãi quá hạn là 322.354.966 đồng.

Kể từ ngày 07-9-2024, bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

*Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án, phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.*

2. Nếu bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số số LN 1805080661769 ngày 22-5-2018 là 01 (một) xe ô tô HUYNDAI ACCENT 1,4 AT Biển kiểm soát 21A- 057.68 có số khung RLUA341BBJN000120, số máy G4LCJU953368 mang tên Lương Thị T1.

Trường hợp tài sản thế chấp sau khi xử lý mà không đủ để trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ còn lại cho nguyên đơn.

3. Về án phí:

Buộc bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ phải chịu 31.792.301 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn ba trăm linh một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. bà Lương Thị T1 và ông Trần Văn Đ chưa nộp.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 15.445.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001545 ngày 24-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSPA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

